TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 199/2023/HC-PT
Ngày 30 - 3 - 2023
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tuấn Vinh

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 513/2022/TLPT-HC ngày 29 tháng 8 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 717/2022/HC-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 509/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 1 khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Trần Thị Thanh T1 (Có mặt);

Địa chỉ: T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Cùng địa chỉ: Số A L, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có văn bản xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị C, sinh năm 1935 (đã chết ngày 27/3/2020);

Địa chỉ: 1 khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị C:

3.1.1. Bà Nguyễn Thị Kim P (Vắng mặt);

Địa chỉ: 1 TCH34, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.2. Ông Nguyễn Trung T (Vắng mặt);

Địa chỉ: 1 khu phố F, phường T, Quận A, Tp ..

3.1.3. Ông Nguyễn Trung N (Vắng mặt);

Thường trú: 116/2 TCH34, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.4. Ông Nguyễn Trung T2 (Vắng mặt);

Thường trú: 116/2 TCH34, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.5. Bà Nguyễn Thị Kim C1 (Vắng mặt);

Thường trú: 116/2 TCH34, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.6. Bà Nguyễn Thị Kim C2 (Vắng mặt);

Thường trú: 116/2 TCH34, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.7. Bà Trần Thị Ngọc T3 (Vắng mặt);

Thường trú: 1 H, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.8. Ông Nguyễn Trung C3 (Vắng mặt);

Thường trú: 116/2 TCH34, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.9. Ông Nguyễn Trung Q (Vắng mặt);

Thường trú: 116/2 TCH34, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Thị Bảo T4 (Vắng mặt);

Thường trú: 1 H, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Nguyễn Thị Quế T5 (Vắng mặt);

Thường trú: 1 H, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, ông T, ông N, ông T2, bà C1, bà C2, bà T3, bà Bảo T6, bà Quế T7, ông C3, ông Q: Bà Trần Thị Thanh T1 (Có mặt);

Địa chỉ: T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Ủy ban nhân dân phường A1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số A đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có văn bản xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Trung T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn kiện ngày 05/6/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/10/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Nguyễn Trung T *có người đại diện theo ủy quyền là bà* Trần Thị Thanh T1 *trình bày:*

Về quá trình sử dụng đất:

Từ ngày 30/4/1975, gia đình ông T bắt đầu đến sinh sống, trồng trọt, chăn nuôi trên mảnh đất diện tích 2091m2 thuộc thửa 1975, 1976, tờ bản đồ số 2, xã T cũ, nay là phường T, Quận A. Trong suốt quá trình sinh sống, khai thác, trồng trọt từ năm 1975 đến nay, gia đình ông T đều thực hiện nghĩa vụ thuế nhà đất đối với Nhà nước. Căn nhà của gia đình ông T được xây dựng từ sau giải phóng có diện tích 3.6m x 11m, đến năm 1997 sửa nhà hoàn chỉnh. Ngày 16/01/1998, Ủy ban nhân dân phường A1 ra thông báo số 13/TB-UB đưa đất của gia đình ông T thành đất công do phường quản lý và yêu cầu gia đình ông T di dời trong vòng 01 tháng. Ngày 08/5/2001, Ủy ban nhân dân phường A1 ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1406/QĐ-UB buộc tháo dỡ toàn bộ công trình nhà ở của gia đình trên cơ sở biên bản xử phạt số 2596/BB-TTXDĐT ngày 03/5/2001 về hành vi đã xây dựng hoàn chỉnh căn nhà từ trước năm 1997.

Không đồng ý với quyết định trên gia đình ông T đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Quận A1 nhưng không được giải quyết. Ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành Quyết định số 135/TB-UB ngày 26/02/2003 để cấp cho gia đình ông T một mảnh đất khác để đổi lấy phần đất gia đình ông T đang sinh sống, nhưng đây là phần đất không thuộc quyền sử dụng của Ủy ban nhân dân phường A1 nên khi gia đình ông T nhận đất thì bị những người dân địa phương sinh sống trên đất phản đối.

Ngày 13/10/2010, Ủy ban nhân dân phường A1 có thư mời với nội dung dự định bố trí cho gia đình ông T phần đất thuộc thửa 1548, thuộc một phần thửa 06 tờ bản đồ số 08, Tuy nhiên, đất này là đất của bà Trần Thị T8 sử dụng nên ông T không nhận.

Ngày 24/10/2011, Ủy ban nhân dân phường A1 ra thông báo số 492/TB-TC để cấp một phần đất khác cho gia đình ông T nhưng vẫn thuộc phần đất của bà T8 và Ủy ban nhân dân phường cũng không giao đất cho gia đình ông T được.

Ngày 27/6/2012, Ủy ban nhân dân phường A1 tiếp tục yêu cầu gia đình ông T nhận phần đất của bà T8 và ông T sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế chỉ cấp được giấy chứ không thực giao đất cho gia đình ông T.

Gia đình ông T liên tục khiếu nại các cấp từ Thành phố đến Trung ương và Đoàn đại biểu quốc hội. Ngày 08/5/2013 và ngày 14/8/2013, Đoàn đại biểu Quốc hội có 02 công văn số 408 và 437 yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận A1 xử lý và báo cáo kết quả nhưng Ủy ban nhân dân Quận A1 vẫn không thực hiện giải quyết.

Ngày 23/8/2013, Ủy ban nhân dân phườnA1 tiếp tục lập kế hoạch giao đất cho gia đình ông T nhưng vẫn không giao được.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A2 việc giải quyết liên quan đến phần diện tích đất khoảng 730m2 có vị trí gần Đình Tân Đông T9 hiện trạng đất do gia đình ông Nguyễn Văn Â (có vợ bà Nguyễn Thị C4 và con trai ông Nguyễn Trung T) sử dụng, đất thuộc phường T, Quận A;

- Văn bản số 259/UBND ngày 16/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T;

- Văn bản số 6190/UBND-TNMT ngày 09/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T;

- Văn bản số 427/UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T.

Về yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất 730m2 có vị trí gần Đình Tân Đông T10, người khởi kiện xác định đã có ý kiến rút yêu cầu từ lần xét xử sơ thẩm lần 1, nay vẫn giữ nguyên ý kiến.

** Người bị kiện là* Ủy ban nhân dân Quận A1 *có yêu cầu tiến hành tố tụng vắng mặt, có ý kiến tại Văn bản số 1221/UBND-TNMT ngày 17/02/2021 như sau:*

Ủy ban nhân dân Quận A1 vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Công văn số 504/UBND-TNMT ngày 22/01/2018 và văn bản số 12853/UBND –TNMT ngày 04/12/2019 như sau:

Tháng 01/1998, Ủy ban nhân dân phường A1 có Thông báo số 13/TB.UB đề nghị bà Nguyễn Thị C4 (Lê Thị C) cùng 03 hộ cất nhà quanh khu vực Đ phải tự di dời trong 01 tháng kể từ ngày 15/01/1998 đến ngày 15/02/1998, Ngày 10/4/2001, Ủy ban nhân dân phường A1 có Công văn số 174/CV-UB kiến nghị ban hành quyết định tháo dỡ căn nhà tôn, vách lá, diện tích khoảng 20m2 của ông Nguyễn Trung T.

Tháng 5/2001, Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị Q1 có lập biên bản vi phạm hành chính số 2569/BB-TTXDĐT đối với ông Nguyễn Trung T đã có hành vi vi phạm sử dụng đất không đúng mục đích; lấn chiếm đất đai; tự tiện

chuyển đổi chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép; tự chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất không hợp pháp; tự tiện di chuyển làm lệch, hư hỏng mốc địa chính, mốc trắc địa... xây dựng không phép; xây dựng sai nội dung xin phép; diện tích vi phạm quy hoạch (sử dụng đất không đúng mục đích, xây dựng nhà ở không phép...).

Ngày 08/5/2001, Ủy ban nhân dân Quận A1 có Quyết định số 1046/QĐ-UB về xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực đất đai và xây dựng đối với ông Nguyễn Trung T đã có hành vi vi phạm sử dụng đất không đúng mục đích theo Điều 2, Khoản 2 của Nghị định số 04/CP ngày 10/5/1997 của Chính phủ và hành vi vi phạm xây dựng nhà không phép theo Điều 7, Khoản 2, Điểm c của I. Nghị định số 48/CP ngày 05/5/1997 của Chính phủ.

Ngày 29/5/2002, Ủy ban nhân dân Quận A1 có Quyết định số 83/QĐ.UB về việc giải quyết liên quan diện tích đất khoảng 730m2 có vị trí gần Đình Tân Đông T10 [hiện trạng đất do gia đình ông Nguyễn Văn Â (có vợ bà Nguyễn Thị C4 và con trai ông Nguyễn Trung T) sử dụng], đất thuộc phường T, Quận A.

Đến ngày 03/5/2015, ông Nguyễn Trung T có đơn đề nghị hủy Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A1 và xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phường T, Quận A.

Ngày 09/10/2015, Ủy ban nhân dân Quận A1 có Công văn số 6190/UBND TNMT về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T với nội dung:

"Vị trí nhà đất của ông Nguyễn Trung T *nêu trong đơn, ngày 29/5/2002,* Ủy ban nhân dân Quận A1 *có Quyết định số 83/QĐ.UB về việc giải quyết liên quan diện tích đất khoảng 730m2 có vị trí gần* Đ *[hiện trạng đất do gia đình ông* Nguyễn Văn n *(có vợ bà* Nguyễn Thị C4 *và con trai ông* Nguyễn Trung T*) sử dụng, đất thuộc* phường T, Quận A.

Liên quan đến quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 nêu trên, ông Nguyễn Trung T *có nhiều đơn kiến nghị xem xét lại quyết định. Ngày 19/12/2014, Chủ tịch* Ủy ban nhân dân Quận A1 *có buổi làm việc với ông* Nguyễn Trung T *(và bà* Trần Thị Thanh T1 *là đại diện của ông* Nguyễn Trung T*). Qua làm việc ông* Nguyễn Trung T *và bà* Trần Thị Thanh T1 *có ý kiến không khiếu nại Quyết định số 83/QĐ-UB ngày 29/5/2002 của* Ủy ban nhân dân Quận A1 *mà đề nghị* Ủy ban nhân dân Quận A1 *xem xét lại các căn cứ do bà cung cấp để hủy quyết định.*

Qua các chứng cứ do ông T11 *và bà* Thủy cung c, Ủy ban nhân dân Quận A1 *nhận thấy không có cơ sở xem xét hủy Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của* Ủy ban nhân dân Quận A1. *Ngoài ra, theo nguyện vọng của bà* C4, Ủy ban nhân dân Quận A1 *có bố trí 01 lô đất để gia đình bà ổn định cuộc sống; đồng thời, ngày 07/02/2013,* Ủy ban nhân dân Quận A1 *đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05250 cho bà* Lê Thị C *...".*

Ngày 29/02/2016, ông Nguyễn Trung T có đơn kiến nghị thu hồi Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A1 và đề nghị cho phép gia đình được phép xây dựng nhà ở ổn định và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với phần đất 730 m? trong tờ bản đồ 264 tại Chỉ thị 299/TTg.

Ngày 20/01/2017, Ủy ban nhân dân Quận A1 có Công văn số 427/UBND TNMT về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T, đất thuộc phường T, Quận A, với nội dung: "... Ủy ban nhân dân Quận A1 không có-cơ sở xem xét thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A1 theo đề nghị của ông Nguyễn Trung T...".

Nay Ủy ban nhân dân Quận A1 đề nghị Tòa án xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A1, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T.

** Người bị kiện là Chủ tịch* Ủy ban nhân dân Quận A1 *có yêu cầu vắng mặt, có ý kiến tại Văn bản số 6777/UBND-TNMT ngày 01/11/2021 như sau:*

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà* Lê Thị C *có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm bà* Nguyễn Thị Kim P, *ông* Nguyễn Trung T, *ông* Nguyễn Trung N, *ông* Nguyễn Trung T2, *bà* Nguyễn Thị Kim C1, *bà* Nguyễn Thị Kim C2, *bà* Trần Thị Ngọc T3, *ông* Nguyễn Trung C3, *ông* Nguyễn Trung Q *và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà* Nguyễn Thị Quế T5, *bà* Nguyễn Thị Bảo T4 *cùng có đại diện theo ủy quyền là bà* Trần Thị Thanh T1 *trình bày:*

Bà T1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là* Ủy ban nhân dân phường A1 *có văn bản số 220/UBND – ĐT ngày 25/01/2021 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:*

Về quá trình sử dụng đất và diễn biến vụ việc: Trước năm 1975 đất do Làng T đúng bộ và sử dụng, năm 1976 ông Nguyễn Văn A (có vợ là bà Lê Thị C và con là ông Nguyễn Trung T) làm rẫy trên phần đất của đình T.

Đến ngày 31/3/1997 bà C tự dụng 01 căn nhà lá trên đất đình (Ủy ban nhân dân phường A1 đã lập biên bản vi phạm về xây dựng). Ngày 03/4/1997 bà C có làm đơn xác nhận nguồn gốc đất, trong đó có nội dung "xin cất nhà để giữ gìn đình để không mất mát tài sản của hội Đ" và được ông Cao Kim N1 thay mặt Ban hội Đ đồng ý.

Ngày 16/01/1998, UBND phường có Thông báo số 13/TB-UB đề nghị bà C cùng 03 hộ khác cất nhà quanh khu vực đình phải di dời nhà trong thời hạn 01 tháng (từ ngày 15/01/1998 đến 15/2/1998). Đến ngày 21/12/2000, UBND phường có mời hộ ông Ấ đến để giải quyết và gia hạn thêm 01 tháng (đến ngày

21/01/2000) hộ ông Ấ phải tự di dời, tuy nhiên ông T (là người đại diện hộ gia đình ông Ấ tham gia cuộc họp) không đồng ý và có ý kiến để trao đổi với mẹ là bà C. Ngày 03/5/2001, bà C và ông T tiếp tục xây dựng nhà không phép trên đất đình với kết cấu nền ximăng, vách lá, mái tôn, diện tích là 3,6m x 11m. Ngày 08/5/2001, A1 ban hành Quyết định số 1046/QĐ-UB về việc xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực đất đai và xây dụng đối với ông Nguyễn Trung T.

Ngày 29/5/2002, Ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành Quyết định số 83/QĐ.UB về việc giải quyết liên quan điện tích đất khoảng 730m2 có vị trí gần đình T, trong đó có nội dung "...diện tích đất 730m2 liên quan vụ việc được xác định là đất thuộc Nhà nước trực tiếp quản lý sử dụng cho công ích. Giao UBND phường A1 đăng ký, quản lý sử dụng theo quy định hiện hành. Gia đình ông Ấ phải tháo dỡ vật kiến trúc, hoa màu hiện có trên đất ghi ở điều 1 này để giao trả đất trống cho UBND phường A1 quản lý sử dụng...". Ngày 29/7/2002 bà C có đơn kiếu nại, ngày 26/02/2003 UBND quận ban hành Thông báo số 135/TB-UB về việc giải quyết kiến nghị của bà Lê Thị C, có nội dung "...bố trí ổn cư cho hộ bà Lê Thị C trên phần đất có diện tích khoảng 80m2, đất thuộc thửa 1296, tờ bản đồ 2 của xã T cũ... tạm ứng 5.000.000 đồng để hỗ trợ di dời cho bà C...".

Trong thời gian từ năm 2001 đến năm 2010 gia đình ông T vẫn không chấp hành quyết định của Ủy ban nhân dân quận. Đến năm 2011, ông T có xây dựng công trình không phép trên phần đất của đình Tân Đông T10 (theo đơn khiếu nại của Hội Đ1), Ủy ban nhân dân phườnA1 đã lập biên bản xử lý theo quy định. Ngày 30/6/2011, Ủy ban nhân dân phường ban hành Thông báo số 730/TB-UBND về việc tổ chức cưỡng chế thi hành Quyết định số 190/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra (vì trường hợp đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính) trong lĩnh vực xây dựng đối với ông Nguyễn Trung T. Ngày 05/7/2011, ông T đã tự chấp hành tháo dỡ công trình vi phạm.

Ngày 07/02/2013, A1 đã cấp Giấy chứng nhận số CHO5250 và bố trí cho bà Lê Thị C tại vị trí một phần thửa đất số 06 tờ bản đồ 08 (Tài liệu 2005) với diện tích là 91,7m2. Ngày 03/5/2015, ông Nguyễn Trung T có đơn đề nghị hủy Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A1. Ngày 09/10/2015, Ủy ban nhân dân Quận A1 có Công văn số 6190/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T, trong đó có nội dung "...Ủy ban nhân dân Quận A1 nhận thấy không có cơ sở xem xét huy Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002...".

Ngày 29/02/2016, ông Nguyễn Trung T có đơn kiến nghị thu hồi Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A1 và đề nghị cho gia đình được phép xây dựng nhà ở ổn định và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với phần đất 730m2 thuộc thửa 264 tại Chỉ thị 299/TTg. Ngày 20/01/2017, Ủy ban nhân dân Quận A1 có Công văn số 427/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T, trong đó có nội dung "...Ủy ban nhân dân Quận A1 nhận thấy không có cơ sở xem xét thu hồi, hủy bỏ Quyết

định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 theo đơn đề nghị của ông Nguyễn Trung T...”

Ủy ban nhân dân phường A1 báo cáo nguồn gốc diễn biến sử dụng đất như trên. Đồng thời xin vắng mặt trong quá trình điều tra, xác minh, hòa giải và phiên xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (cấp sơ thẩm, phúc thẩm) với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ủy ban nhân dân phường A1 sẽ thực hiện theo quyết định, bản án của Tòa án nhân dân các cấp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 717/2022/HC-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T về việc:

- Hủy Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết liên quan đến phần diện tích đất khoảng 730m2 có vị trí gần Đ, phường T, Quận A;

- Hủy Văn bản số 259/UBND ngày 16/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T.

- Hủy Văn bản số 6190/UBND-TNMT ngày 09/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T;

- Hủy Văn bản số 427/UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trung T với nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 717/2022/HCST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 717/2022/HCST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía người khởi kiện trình bày: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Diện tích đất thuộc về đất công, tuy nhiên gia đình ông T đã quản lý, sử dụng từ năm 1975 đến này và có kê khai, đăng ký. Nội dung của Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A1 là không phù hợp với thực tế sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung kháng cáo :

Xét thấy quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành đúng theo luật định. Đây là đất công do nhà nước quản lý , quá trình sử dụng của hộ ông T đã bị xử phạt hành chính về xây dựng, do đó Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A1 buộc hộ ông T phải giao trả lại thửa đất cho Ủy ban nhân dân phường A1 quản lý là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trung T làm trong hạn luật định, là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ông T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông về việc hủy Quyết định số 83/QĐ-UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đất đai thuộc phường T, Quận A và các văn bản số 259/UBND ngày 16/01/2015, số 6190/UBND-TNMT ngày 09/10/2015, số 427/UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T liên quan đến diện tích 730m2 đất thuộc phường T, Quận A.

[2] Xét về nội dung: Nguồn gốc diện tích 730m2 mà ông Nguyễn Trung T khiếu nại thuộc một phần đất công do "Làng T" đứng bộ cũ trước năm 1975. Năm 1976, ông Nguyễn Văn Â (cha của ông T) có làm rẫy trên phần đất của Đình Tân Đông T10. Năm 1997, vợ ông Â là bà Lê Thị C tự cất một căn nhà lá. Tại đơn xin xác nhận nguồn gốc đất do bà C lập ngày 03/4/1997 thể hiện nội dung "xin cất nhà để giữ gìn đình để không làm mất tài sản của hội Đ", đơn này được ông Cao Kim N1 thay mặt Hội Đình Tân Đông T12 ghi chú "cho phép bà C được cất một căn nhà lá tọa lạc trên đất đình".

[3] Theo Công văn số 960/UBND-ĐT ngày 13/9/2019 của Ủy ban nhân dân phường A1 thì từ năm 1983, ông Nguyễn Văn Â liên tục đứng tên kê khai quyền sử dụng diện tích đất đối với phần đất nêu trên theo sổ mục kê ruộng đất theo Chỉ thị 299/TTg, Chỉ thị 02/CT-UB. Thực tế, gia đình ông Â sử dụng liên tục, ổn định diện tích đất này từ sau năm 1975.

Ngày 16/01/1998, Ủy ban nhân dân phường A1 có Thông báo số 13/TB-UB đề nghị bà C cùng 03 hộ cất nhà quanh khu vực Đ phải tự dời đi trong thời hạn 01 tháng. Ngày 21/12/2000, Uy ban nhân dân phường T mời hộ ông T đến giải quyết và gia hạn cho ông thêm 01 tháng để di dời nhà. Ngày 03/5/2001, bà C và ông T tiếp tục xây dựng nhà không phép trên đất với kết cấu nền xi măng, vách lá, mái tôn, diện tích 3,6m X 11m. Ngày 08/5/2001, Ủy ban nhân dân Quận

A1 đã ban hành Quyết định số 1046/QĐ-UB về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và xây dựng đối với ông T.

Ngày 29/5/2002, Ủy ban nhân dân Quận A1 có Quyết định số 83/QĐ-UB với nội dung: *"...Diện tích đất 730m2 liên quan vụ việc [Hiện trạng đất có nhà (không số, nhà là mái* T*), công trình phụ và đất* Nguyễn Trung T *đang sử dụng] được xác định là đất thuộc Nhà nước trực tiếp quản lý, sử dụng cho công ích,* Giao Ủy ban nhân dân phường A1 *đăng ký, quản lý sử dụng theo quy định hiện hành. Gia đình ông* Ấ *phải tháo dỡ vật kiến trúc, hoa màu hiện có trên đất ghi ở điều 1 này để giao trả đất trống cho* UBND phường A1 *quản lý sử dụng…".*

Như vậy, nội dung văn bản này không phù hợp với tài liệu về kê khai quyền sử dụng diện tích đất liên quan theo Công văn số 960/UBND-ĐT ngày 13/9/2019. Vào thời điểm ban hành Quyết định số 83/QĐ-UB, diện tích đất này do gia đình ông Â quản lý, sử dụng. Việc sử dụng đất của gia đình ông T (trước đó là ông Â - cha ông Tín) đã có quá trình lâu dài, hợp pháp và có đăng ký kê khai qua các đợt kê khai theo chỉ thị 299/TTG năm 1983 và theo chỉ thị 02/CT-UB năm 1991.

Theo quy định tại Điều 27 Luật Đất đai năm 1993 thì: *"Trong trường hợp thật cần thiết, Nhà nước thu hồi đất đang sử dụng của người sử dụng đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì người bị thu hồi đất được đền bù thiệt hại. ".*

Tuy nhiên, theo Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002, Ủy ban nhân dân Quận A1 buộc gia đình ông Nguyễn Văn Ấ (Ân) phải tháo dỡ nhà ở, vật kiến trúc hoa màu, bàn giao lại mặt bằng trống cho Ủy ban nhân dân phường A1 mà không xử lý việc đền bù thiệt hại cho gia đình ông Â là không bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho cho gia đình ông Â theo đúng quy định pháp luật.

Do bà C - mẹ ông T khiếu nại nên ngày 26/02/2003, Ủy ban nhân dân Quận A1 đã ban hành Thông báo 135/TB-UB về việc giải quyết kiến nghị của bà Lê Thị C với nội dung: *"...bố trí ổn cư cho hộ bà* Lê Thị C *phần đất có diện tích khoảng 80m2, đất thuộc thửa 1296, tờ bản đồ số 2 của* xã T *cũ... tạm ứng 5.000.000 đồng để hỗ trợ di dời cho bà* C*...".*

Tuy nhiên trên thực tế, Ủy ban nhân dân Quận A1 không thực hiện việc hỗ trợ di dời và ổn cư cho gia đình bà C. Cho đến nay, gia đình bà C, ông T chưa được cấp đất ổn cư, chưa được hỗ trợ di dời. Quyền lợi chính đáng của gia đình bà C, ông T trong việc thu hồi đất chưa được giải quyết đúng quy định pháp luật.

Như vậy, Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A1 được ban hành không đảm bảo quy định tại Điều 27 Luật Đất đai năm 1993, không bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của người sử dụng đất. Trên cơ sở đó, Chủ tịch ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành các Văn bản số 259/UBND ngày 16/01/2015, Văn bản số 6190/UBND-TNMT ngày 09/10/2015 và Văn bản số 427/UBND ngày 20/01/2017 trả lời đơn về việc "không có cơ sở

xem xét thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 83/QĐ-UB ngày 29/5/2002 theo đơn đề nghị của ông Nguyễn Trung T" là không xem xét đầy đủ các quy định pháp luật, không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho gia đình ông T.

Do vậy, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trung T về việc hủy Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002, Ủy ban nhân dân Quận A1; Văn bản số 259/UBND ngày 16/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T; Văn bản số 6190/UBND-TNMT ngày 09/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T; Hủy Văn bản số 427/UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Trung T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trung T. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 717/2022/HC-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T về việc:

- Hủy Quyết định số 83/QĐ.UB ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết liên quan đến phần diện tích đất khoảng 730m2 có vị trí gần Đ, phường T, Quận A;

- Hủy Văn bản số 259/UBND ngày 16/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T;

- Hủy Văn bản số 6190/UBND-TNMT ngày 09/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T;

- Hủy Văn bản số 427/UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Trung T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0047396 ngày 10/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Trung T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, VT, HSVA (TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tuấn Vinh